TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LÊ CHÂN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:21/2018/HS-ST
Ngày: 08/02/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Sợi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trường Nguyên, phó phòng giáo dục Quận Lê Chân;

Bà Nguyễn Thị Mai;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hưng, Thư ký TAND Quận Lê Chân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Tuấn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân Quận Lê Chân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Đình T, sinh ngày 02 tháng 12 năm 197x tại Hải Phòng; đăng ký hộ khẩu thường trú và ở tại: Số 35 Đ, phường C, Quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình B, sinh năm 1956 và bà Lê Thị Tr, sinh năm 1954; có vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2004. Tiền án: Chưa; tiền sự: Ngày 27/3/2017, TAND Quận Lê Chân ra Quyết định số 14 đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc tại Trung tâm giáo dục lao động số 2 Hải Phòng. Bị tạm giữ ngày 04/11/2017, tạm giam ngày 09/11/2017; có mặt.

2. Nguyễn Quang V, sinh ngày 18 tháng 8 năm 1988 tại Hải Phòng; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 27B lô 1 khu tập thể xi măng L, phường L, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Số 62B A, xã AĐ, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc D, sinh năm 1960 và bà Lê Thị D, sinh năm 1963; chưa vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Có 02 tiền án đều đã được xóa: Án số 60 ngày 09/3/2006, TAND quận Hồng Bàng xử 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, trị giá tài sản: 4.000.000 đồng, thời hạn từ tính từ ngày bắt giam thi hành án (thi hành xong năm 2008). Án số 32 ngày 28/6/2007,

TAND huyện An Dương xử phạt 07 năm tù về tội Cướp tài sản. Tổng hợp với bản án số 60 ngày 09/3/2006 của TAND quận Hồng bàng, buộc Nguyễn Quang V phải chịu hình phạt chung 08 năm tù. Ra tù ngày 13/8/2013 (án phí đã thi hành xong tháng 5/2008). Tạm giữ ngày 05/11/2017, tạm giam ngày 09/11/2017; có mặt.

- *Bị hại*: Anh Nguyễn Quang L, sinh ngày 17/7/2000; trú quán: Thôn Tr, xã Th, huyện K, tp Hải Phòng, vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 197x; trú quán: Thôn Tr, xã Th, huyện K, tp Hải Phòng;vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1 - Anh Đỗ Đình Tr, sinh năm 1990; trú quán: Đường 212 Kh, xã Q, huyện T, tp Hải Phòng; vắng mặt.

2 - Anh Nguyễn Cát H, sinh năm 1991; trú quán: Số 239 L, phường L, Quận L, tp Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 02h30’ ngày 26/10/2017, Hoàng Đình T đi bộ một mình đến quán Internet số 38 C, phường A, quận Lê Chân, Hải Phòng chơi điện tử. Đến 03 giờ cùng ngày T thấy anh Nguyễn Quang L là người trông coi quán Internet ngủ gật, trên bàn có để 1 chùm chìa khóa trong đó có chìa khóa xe máy nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. T lấy chìa khóa, mở xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX màu đỏ đen BKS 15F1-109.97 của anh Nguyễn Quang L đang dựng ở sân rồi dắt ra cổng. Trong lúc dắt xe máy, T thấy ở khu vực chân cầu thang tầng 1 của quán có dựng 01 xe máy điện, loại xe “bò điên”, màu xanh BKS 15MĐ1-175.40 của anh Nguyễn Cát H, sinh năm 1991; trú quán: Số 239 L, phường L, quận L, Hải Phòng nên nảy ý định chiếm đoạt tiếp chiếc xe máy điện này. Sau khi đi xe mô tô vừa lấy được đến ngã tư C, T dựng xe trên vỉa hè, khóa cổ từ và quay lại quán dắt tiếp chiếc xe máy điện (trong cốp có giấy tờ đăng ký) rồi đi đến gửi tại bãi xe Bệnh viện V. Sau đó T quay lại ngã tư C đi chiếc xe mô tô về nhà. Đến 12 giờ cùng ngày T đi chiếc xe mô tô trộm cắp được đến cổng bến xe N nhờ nam giới có tên B “cún” (chưa xác định được lai lịch) tìm chỗ tiêu thụ. Lúc này đi cùng B có 1 nam giới tên X (chưa xác định được căn cước lai lịch) hỏi mua với giá 3.300.000 đồng. T đã đồng ý bán chiếc xe cho X được số tiền 3.300.000 đồng.

Đến khoảng 23 giờ ngày 28/10/2017, T đi xe máy điện trên đến nhà Nguyễn Quang V tại số 62B A, huyện A, Hải Phòng để nhờ V bán lấy tiền tiêu xài. Lúc này, V hỏi: “xe ở đâu? Có đăng ký không?” thì T trả lời: “Xe có đăng ký, anh vừa phang được” và V hiểu ngay chiếc xe điện này do T trộm cắp mà có. Sau đó T đưa xe máy điện và giấy đăng ký xe, V đã đến hiệu cầm đồ trên đường Trần Nguyên H, Quận L, Hải Phòng cầm được số tiền 1.000.000 đồng. Đến sáng ngày 29/10/2017, V đã thỏa thuận bán chiếc xe trên cho Nguyễn Bá Th, sinh năm 1979; trú quán: Số 105 Ph, NN, quận Lê Chân, Hải Phòng với giá 2.420.000 đồng. Số tiền này anh Th

đã trả cho hiệu cầm đồ 1.120.000 đồng, còn lại đưa cho V 1.300.000 đồng, V đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua chiếc xe máy điện trên, Nguyễn Bá Th đã bán cho Đỗ Đình Tr, sinh năm 1990; trú quán: Đường 212 Kh, xã Q, huyện T, tp Hải Phòng với giá 3.400.000 đồng. Đến nay, chiếc xe máy điện BKS 15MĐ1-175.40 cùng giấy đăng ký, cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân đã thu hồi và giao cho Nguyễn Quang L quản lý.

Kết luận định giá tài sản số 87 ngày 04/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Lê Chân kết luận: Giá trị còn lại của chiếc xe máy điện BKS 15MĐ1-175.40 là 4.500.000 đồng và giá trị còn lại của chiếc xe mô tô BKS 15F1-109.97 là 7.000.000 đồng. Tổng giá trị của xe máy điện và xe mô tô đã qua sử dụng là 11.500.000 đồng.

Anh Nguyễn Quang L khai: Khoảng 03 giờ ngày 26/10/2017, Hoàng ĐìnhT đến chơi game tại quán Internet số 38 C, quận L, Hải Phòng. Anh L là người trông coi quán nhưng ngủ quên, đến khoảng 07 giờ 10 phút cùng ngày, anh L phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX màu đỏ đen BKS 15F1-109.97 của anh L dựng ở sân và chiếc xe máy điện BKS 15MĐ1-175.40 của anh Nguyễn Cát H (do anh L quản lý) để ở khu vực cầu thang bị mất. Hiện chiếc xe máy điện đã thu hồi trả cho anh H, còn chiếc xe mô tô chưa thu hồi được. Anh L yêu cầu Hoàng Đình T phải có trách nhiệm bồi thường.

Đối với anh Nguyễn Bá Th và Đỗ Đình Tr là người mua xe máy điện BKS 15MĐ1-175.40 từ V, cả anh Th và Tr đều không biết đây là tài sản do người khác phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xử lý.

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận như trên.

Tại bản Cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 09/01/2018, Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân đã truy tố Hoàng Đình T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 (tương ứng với khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999) và truy tố Nguyễn Quang V về tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên toà luận tội các bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51- Bộ luật hình sự năm 2015 xử bị cáo Hoàng Đình T mức án từ 15 đến 18 tháng tù. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Quang L số tiền 7 triệu đồng trị giá chiếc xe mô tô đã chiếm đoạt. Áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 xử bị cáo Nguyễn Quang V mức án từ 15 đến 18 tháng tù. Đối việc chiếc xe máy điện của anh Trình mua bị thu hồi sẽ tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Lê Chân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và nhưng người có liên quan đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Đình T đã khai nhận phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Hồi 02 giờ 30'ngày 26/10/2017, tại quán Internet số 38 C, quận L, Hải Phòng, lợi dụng sơ hở người bị hại ngủ gật không để ý, bị cáo T đã lấy xe chiếc xe mô tô BKS 15F1-109.97 của anh Nguyễn Quang L trị giá 7.000.000đ và tiếp tục vào lấy chiếc xe máy điện BKS 15MĐ1-175.40 của anh Nguyễn Cát H (do anh L quản lý) trị giá 4.500.000đ đem cất dấu; nên đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Hoàng Đình T phạm tội "Trộm cắp tài sản", vi phạm khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng với khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015).

[3]. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Quang V đã khai nhận phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 29/10/2017 bị cáo V dù biết rõ chiếc xe máy điện BKS 15MĐ1-175.40 là do Hoàng Đình T vừa trộm cắp được nhưng vẫn mang đi bán lấy tiền ăn tiêu hết; nên đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Quang V phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", vi phạm khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

[4]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và gây mất trật tự trị an xã hội. Về nhân thân: Bị cáo T đã có 01 tiền sự, bản thân là người nghiện ma túy, nay chưa bồi thường cho bị hại và liên tục có hai lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999. Nhân thân của bị cáo V đã có 02 tiền án đã được xóa án tích. Qua đó cho thấy bị cáo T, bị cáo V đều có nhân thân xấu, ý thức chấp hành pháp luật kém. Do vậy cần xử các bị cáo mức án nghiêm bắt cách ly xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5]. Song cũng xét các bị cáo đã thành khẩn khai báo nên cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[6]. Về bồi thường thiệt hại: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX BKS: 15F1-109.97 bị cáo T chiếm đoạt của anh Nguyễn Quang L trị giá 7.000.000 đồng hiện chưa thu hồi được nên buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại trị giá chiếc xe trên. Đối với chiếc xe máy điện BKS 15MĐ1-175.40 của anh Nguyễn Cát H đã được nhận lại nên không xem xét. Tuy nhiên bị cáo V đã bán cho anh Nguyễn Bá Th và anh Th lại bán cho anh Đỗ Đình Tr. Sau đó anh Tr nộp lại cơ quan Công an. Tại phiên tòa anh Tr vắng mặt nên việc xem xét bồi thường sẽ tách ra giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác nếu có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Đình T phạm tội " Trộm cắp tài sản". Bị cáo Nguyễn Quang V phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 - Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Hoàng Đình T 18 (mười tám) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 04/11/2017.

Căn cứ khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46 - Bộ luật Hình sự năm 1999

Xử phạt: Nguyễn Quang V 18 (mười tám) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 05/11/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 170, 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Đình T bồi thường cho anh Nguyễn Quang L số tiền trị giá xe máy là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Tách phần dân sự giải quyết về tiền mua xe máy điện bằng vụ án dân sự khác khi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có yêu cầu.

Về án phí: Bị cáo T phải nộp 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 350.000đ *(ba trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Bị cáo V phải nộp 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"*.

Nơi nhận:
- VKSND Q. Lê Chân;
- Công an Q. Lê Chân;
- Trại tạm giam
- Chi cục THADS;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: HS, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Sợi